

VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

(khái quát những giai đoạn lịch sử)

NGÔ VĂN DOANH*

Bắt đầu từ thế kỷ II sau CN, do nhiều yếu tố khác nhau tác động tới, trong đó có những ảnh hưởng của người Ấn Độ và văn hóa Ấn Độ, trong khu vực Đông Nam Á đã xuất hiện những quốc gia đầu tiên. Trong số những vương quốc xuất hiện sớm nhất này, nước quan trọng nhất là nước mà người Trung Quốc gọi là Phù Nam. Thế nhưng, cho đến nay, cái tên Phù Nam vẫn còn được hiểu theo các cách khác nhau. Những tài liệu khảo cổ học và sử liệu học cho biết, trung tâm của nước Phù Nam nằm ở mạn hạ lưu và vùng châu thổ sông Mê Công. Nhưng, vào thời cực thịnh, biên giới của Phù Nam đã mở rộng tới cả nam trung bộ Việt Nam, đoạn trung lưu sông Mê Công, một phần thung lũng sông Menam và bán đảo Mã Lai. Còn kinh đô của Phù Nam, vào một thời kỳ nào đấy, là Vyadrapura, “thành phố của những người thợ săn” (tiếng Trung Quốc là “to-mou” (Đặc Mục), cũng có cùng nghĩa như Vyadrapura)⁽¹⁾.

Cho đến ngày hôm nay, xung quanh nhà nước Phù Nam, còn rất nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu tiếp. Thế nhưng, có thể nói, trong số những quốc gia cổ đại ra đời vào đầu công nguyên ở Đông Nam Á, thì, do nhiều nguyên nhân, cho đến nay,

Phù Nam là vương quốc được biết đến đầy đủ nhất và nhiều nhất. Trên cơ sở những tài liệu hiện được biết, các nhà khoa học, về cơ bản, đã phác dựng được lịch sử hình thành, phát triển và suy vong qua các vương triều và triều vua.

1. Người Phù Nam trước khi nhà nước Phù Nam ra đời

Các bộ sách cổ của Trung Quốc có những mô tả khá kỹ về vùng đất Phù Nam. Ví dụ, sách “Thông Chí” (quyển 198) của tác giả Trịnh Tiêu (người đời Tống) chép: “*Nước Phù Nam ở phía nam quận Nhật Nam, ở trong vịnh lớn về phía tây biển. Cách Nhật Nam khoảng 7.000 dặm. Nằm ở phía tây nam nước Lâm Ấp, cách hơn 3.000 dặm. Kinh thành nước ấy cách biển 500 dặm, có con sông lớn rộng tới 10 dặm, chảy từ tây sang đông, đổ ra biển. Chu vi nước này rộng 3.000 dặm. Đất đai ở đây thấp mà bằng phẳng, khí hậu rất giống Lâm Ấp. Sản phẩm có mỏ vàng, bạc, đồng, thiếc, trầm hương, mộc hương, voi, tê ngưu, lông trả, chim vẹt ngũ sắc. Lại có thứ kim cương cực kỳ cứng rắn, có thể dùng để khắc chạm vào ngọc, trông tựa như đá thạch anh tía. Nơi sản sinh ra đá ấy ở tận dưới đáy nước sâu tới trăm*”

* PGS.TS Ngô Văn Doanh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

trượng, trên những tấm đá lớn có thạch nhũ trông như vú chuông. Người ta lặn xuống mà lấy. Cả một ngày mới được. Lấy dùi sắt xuyên vào đá ấy thì dùi bị nứt, nhưng lấy sừng bình dương gõ vào thì đá lại vỡ tan. Lại có loại chim kền kền. Khi già thì lặn xuống biến hóa ra đôi môi. Thứ đôi môi này có thể cắt ra để nạm vào cương ngựa, tục gọi là kha.” Qua những dòng mô tả trên, các nhà khoa học đã xác định được đây là vùng hạ lưu và vùng châu thổ sông Mê Công. “Trong nước có thành ấp, cung thất. Vua nước họ ở trong lầu gác nhiều tầng. Họ lấy gỗ ken làm thành. Trên bờ biển có một loại cây lớn, lá dài 8, 9 thước, người ta đan lại để lợp nhà. người trong nước cũng làm nhà gác để ở. Thuyền của họ đóng dài tới 8,9 trượng, rộng tới 6,7 thước. Đầu đuôi giống như hình con cá.” Có thể nhận ra, cây lớn lá dài là cây dừa mà lá dùng để lợp nhà, nhà gác là nhà sàn, thuyền hình con cá là loại thuyền gỗ dài. Tất cả cho đến nay vẫn còn có mặt ở vùng đồng châu thổ sông Mê Công. “Đáng người họ xấu và đen. Họ búi tóc, vẽ mình, ở trần, đi chân đất. Họ lấy việc trồng trọt làm nguồn sống chính. Một năm trồng, ba năm thu hoạch. Dân họ thích chạm khắc. Đồ dùng (bát đĩa) phần nhiều chế bằng bạc. Nơi ở không đào giếng. Vài chục nhà dùng chung một cái ao... Tục nước này khi cư tang thì cạo hết râu tóc. Người chết có bốn cách chôn cất: “thủy táng” tức là đem người chết quăng xuống sông, “hỏa táng” thì đốt thi hài thành than, “thổ táng” t hi đào huyệt chôn, còn “điều táng” thì vứt người chết vào trong núi cho chim thú ăn thịt. Tính nết con người ở đây tham lam keo bẩn. Con trai, con gái tha hồ rú rê nhau. Phép nước không có lao tù. Có việc kiện tụng thì trước hết họ ăn chay ba ngày,

vác đi mấy bước. Lại lấy vòng vàng hoặc trứng gà bỏ vào nước sôi, sai người đó thò tay vào vớt ra. Nếu người đó có tội thì bị bỏng tay, vô tội thì không bị bỏng. Tại ngòi nước trong thành lại có nuôi loại cá sấu, ngoài cổng thành nhốt thú dữ. Người có tội bị bỏ cho thú dữ và cá sấu ăn. Nếu cá sấu và thú dữ không ăn, thì đó là vô tội, ba ngày sau họ sẽ được tha. Cá sấu, loại to dài hơn ba trượng, trông giống như con kỳ đà. Nó có bốn chân, mõm dài tới 6, 7 thước, hai bên mõm có răng chìa ra nhọn như lưỡi gươm. Loại này thường ăn cá hoặc hươu hoẵng, gặp người nó cũng ăn. Từ ở phía nam Thương Ngô trở xuống, và các nước ngoài thường có loại cá này. Đời trước, nước này dùng đàn bà làm vua. Vị nữ vương có tên là Liễu Diệp. Khi còn trẻ, khỏe mạnh như đàn ông.” Trong một tài liệu Trung Quốc khác là “Thái Bình hoàn vũ ký” cũng có chép: “Nước Phù Nam ở phía nam quận Nhật Nam, ngay trên vịnh phía tây biển. Tục nước ấy vốn ở trần, vẽ mình, bỏ xõa tóc, không biết may quần áo. Trước kia, nước ấy có một vị vua đàn bà tên là Liễu Diệp, tuổi còn trẻ, có sức khỏe như đàn ông”⁽²⁾.

Dù rằng, những ghi chép trên được viết khi mà nhà nước Phù Nam đã xuất hiện. Thế nhưng, về cơ bản, người dân cũng như các phương thức canh tác, các phong tục tập quán... của dân chúng thì vẫn như của thời trước khi vương quốc Phù Nam ra đời. Qua những mô tả của người Trung Quốc, có thể dễ nhận ra “những người xấu và đen, tóc xoăn, ở trần, đi chân đất...”, những người dân của Phù Nam, về cơ bản, mang những nét của loại hình nhân chủng Malayo- polinesien (Mã Lai - Đa Đảo). Gần đây, trên cơ sở những nghiên

14

cư dân chủ yếu của Phù Nam là người Mã Lai - Đa Đảo. Còn các phong tục ở trần, bỏ xõa tóc, xử án bằng cách cho vác chiếc búa nung đỏ, cho tay vào nước sôi, ném cho cá sấu ăn, ở nhà gác (nhà sàn), trai gái tha hồ rủ rê nhau... chính là các phong tục mà cho đến gần đây vẫn còn có mặt trong các dân tộc miền núi ở Tây Nguyên nói riêng và ở Đông Nam Á nói chung.

Rất có thể các truyền thuyết về sự ra đời của nhà nước Phù Nam có nguồn gốc từ đầu đó ở Ấn Độ, thế nhưng, chắc hẳn nhân vật Liễu Diệp là có thật. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều ghi chép trong các bộ sách cổ của Trung Quốc đều nói rằng, "trước kia, nước ấy có một vị vua đàn bà tên là Liễu Diệp, tuổi còn trẻ, có sức khỏe như đàn ông.", hay "vị nữ vương có tên là Liễu Diệp. Khi còn trẻ, khỏe mạnh như đàn ông"... Thế nhưng, rất tiếc là, do thiếu vắng tư liệu, nên, cho đến nay, lịch sử nước Phù Nam thời kỳ trước Kaundinya hầu như còn là khoảng trống. Trong khi đó thì, vào những thập niên gần đây, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã phát hiện và nghiên cứu nhiều di chỉ thuộc văn hóa tiền Óc Eo ở Nam Bộ⁽³⁾.

2. Sự ra đời của nhà nước Phù Nam và vương triều Kaundinya I

Điều kỳ lạ là Phù Nam cũng như một số các quốc gia cổ đầu tiên của khu vực Đông Nam Á lục địa, đều công nhận sự ra đời của mình có liên quan đến một người Brahman tên là Kaudinya. Mặc dầu có khác nhau đôi chút trong chi tiết, các truyền thuyết đều cho biết, người Brahman Kaudinya, sau khi đã nhận được từ thần Brahma một vũ khí thần (có thể là cái cung hoặc cái lao), đã di viễn du về phương đông. Còn nơi xuất phát của

người Brahman thì hoặc là từ Ấn Độ, hoặc là từ bán đảo Malay. Vào lúc vừa đến Indochina (vùng Đông Nam Á lục địa), vị Brahman đã phải đụng đầu với thủ lĩnh địa phương và đã chiến thắng bằng vũ khí thần. Sau đấy, vị Brahman sử dụng vũ khí thần để đánh dấu đô thị tương lai của mình và cưới hoặc nữ hoàng, hoặc con gái của vua Naga (chữ "naga" ở đây có ý nghĩa là biểu tượng cho vùng đất). Người vợ tương lai ấy của vị Brahman thường có tên là Soma ("soma" là: 1. tên một chất rượu mà các vị Brahman của đạo Hindu thường sử dụng trong các lễ hiến tế, 2. tên nữ thần mặt trăng của Hindu giáo). Sau khi cưới, vị Brahman đã cùng vợ lập ra vương triều đầu tiên của vương quốc. Các nhà nghiên cứu đã lưu ý tới và nhận thấy rằng, chữ "Naga" là một từ có nguồn gốc tiền Arya của Ấn Độ (tương ứng với chữ "srpa" của tiếng Sanscrit). Thuật ngữ này là một sự phản ánh về sự tồn tại của những tín ngưỡng bản địa tôn kính rắn, nước và đất- những nét tín ngưỡng chung có mặt cả ở Ấn Độ và Đông Nam Á. Các nhà nghiên cứu còn nhận thấy cái gốc Ấn Độ (có thể từ thế kỷ I- II sau CN) của những truyền thuyết về Kaudinya ở Đông Nam Á. Ví dụ, trong văn học Tamil, có một bài thơ của thời kỳ này cũng kể về một câu chuyện tương tự. Bài thơ kể rằng, vị vua đầu tiên của vương triều Palava trị vì ở Kanchi (Nam Ấn Độ) là con trai của vua Chola và công chúa Naga. Ngoài ra, như nhiều nhà khoa học đã nhận thấy, Kaudinya là cái tên của một dòng tộc Brahman nổi tiếng ở Bắc Ấn Độ và nhiều nhân vật lịch sử đã mang họ Kaudinya này. Do vậy, rất có thể, một số vị Brahman của dòng họ Kaudinya đã đến vùng Đông Dương vào những thời gian khác nhau⁽⁴⁾.

Các bộ sử sách cổ của Trung Quốc có những ghi chép rất chi tiết về nguồn gốc từ vị Brahman người Ấn Độ của nhà nước Phù Nam và vương triều Hindu giáo đầu tiên ở nhà nước này. Ví dụ, khi chép về nước Phù Nam, sách “Nam Tê thư” (Q.58) có đoạn “*Nước Phù Nam thuộc nam phía tây biển lớn. Ở phía nam quận Nhật Nam, diện tích rộng hơn 3.000 dặm, nước ấy có một con sông lớn chảy theo hướng tây ra biển. Trước đây, nước này có vị nữ vương tên là Liễu Diệp. Lại có một người nước Khích tên là Hồn Điền, một đêm nằm mơ thấy thần cho một cái cung, và bảo anh ta là cưỡi thuyền ra biển. Sáng ra, Hồn Điền tới miếu thờ thần, quả nhiên nhặt được cái cung ở dưới gốc cây. Anh ta bèn cưỡi thuyền đi xuống phía nước Phù Nam. Liễu Diệp thấy có thuyền tới, đem quân định tấn công. Hồn Điền từ xa giương cung bắn trúng thuyền, mũi tên xuyên qua một mạn thuyền, trúng vào người ở trong. Liễu Diệp sợ hãi, xin hàng. Hồn Điền bèn cưỡi nàng làm vợ. Hồn Điền ghét tục nước này ở trần, nên bảo nàng lấy vải quấn. Hồn Điền cai trị luôn nước ấy. Cha truyền con nối mãi. Đến khi Bàn Huống, vua nước đó chết, người trong nước lập viên đại tướng là Phạm Sư Mạn lên ngôi”⁽⁵⁾. Trong các bộ sách khác của Trung Quốc như “Tấn thư”, “Lương thư”, “Nam sử”... còn cho biết thêm: “...Hồn Điền cai trị nước ấy, bèn cưỡi Liễu Diệp làm vợ, sinh con, rồi chia nước làm 7 ấp, cho các con cai trị. Sau đó một người con tên là Hồn Bàn Huống dùng kế ly gián các nước khác để họ đánh lẫn nhau, rồi thôn tính tất cả các nước ấy, sai con cháu cai trị các ấp, gọi là “tiểu vương”. Bàn Huống thọ hơn 90 tuổi thì mất và lập người con tên là Bàn Bàn làm vua, đem quyền chính sự trong nước ủy nhiệm cho*

làm vua được 3 năm thì mất. Người trong nước nhất trí cử Phạm Mạn làm vua...”⁽⁵⁾. Theo các nhà nghiên cứu Pelliot và Finot câu chuyện Hồn Điền- Liễu Diệp là dị bản bản địa của truyền thuyết Ấn Độ về vị Brahman Kaundinya và Nagi Soma, con gái của Soma, vua của các Naga⁽⁶⁾. Cũng L. Finot cho rằng việc Hồn Điền chiếm cứ đất đai của Liễu Diệp diễn ra vào nửa sau của thế kỷ I sau CN. Hai người có con trai kế vị ngại vàng, và, như vậy là đã ra đời vương triều đầu tiên (vương triều Hồn Điền hay Kaundinia) cai trị Phù Nam trong suốt hơn 150 năm. Thoạt đầu, vương quốc chỉ gồm những “ấp” (theo cách gọi của người Trung Quốc) hay “thành” (theo cách gọi của người Ấn Độ) nằm dọc theo sông Mê Công. Các tài liệu Trung Quốc cho biết, Hồn Điền chia nước làm 7 ấp cho các con cai trị. Phần đất còn lại, như các nhà nghiên cứu giả định, chắc là thuộc quyền cai trị của chính nhà vua⁽⁷⁾.

Với Kaundinya, lịch sử hình thành của nhà nước cổ đại Phù Nam đã chứng tỏ vai trò to lớn như thế nào của một vị Brahman từ bên ngoài đến. Kaundinya (Hồn Điền) không chỉ trở thành vua mà còn là người sáng lập ra vương triều đầu tiên (vương triều Kaundinya I). Vương triều của Kaundinya tồn tại được hơn 150 năm và trải qua ba đời vua: Hồn Điền (Kaundinya, nửa sau thế kỷ I), Hồn Bàn Huống (sinh năm 127, mất năm 217, thọ 90 tuổi) và Hồn Bàn Bàn (217- 220). Thế nhưng, rất tiếc là sự hiểu biết của chúng ta về gần hai trăm năm trị vì của Kaundinya và con cháu của ông lại chỉ gói gọn trong một số ít sự kiện mà sử sách Trung Quốc đã ghi lại được (và đã được Paul Pelliot tập hợp lại trong công trình

quốc gia cổ nào ở Ấn Độ có những ghi chép về những nơi và những quốc gia mà người Ấn đến ở hay đã chiếm được ở các nước ngoài. Sử sách Trung Quốc còn chép là người Phù Nam có các bộ sách sử và những văn bản lưu trong các tàng thư, thế nhưng, cho đến nay, chúng ta vẫn chưa biết gì và chưa có tài liệu gì về kho sách này của Phù Nam. Do vậy, tài liệu duy nhất để chúng ta biết về nước Phù Nam thời kỳ này vẫn là những ghi chép của sử sách Trung Quốc.

Rất tiếc là những sử liệu của Trung Quốc chỉ cho chúng ta biết rất ít về cuộc đời chính trị của mấy ông vua của vương triều Kaundinya đầu tiên này mà thôi. Thế nhưng, với sự phát triển mạnh mẽ của vương quốc Phù Nam vào thời vương triều Phạm do Phạm Mạn (hay Phạm Sư Mạn), nhà chinh phục vĩ đại lập ra, có thể thấy, những cơ sở của một nhà nước đã được hình thành và củng cố dưới thời trị vì gần hai trăm năm của vương triều Kaundinya I.

3. Vương triều họ Phạm

Sau Kaundinya và vương triều của ông, vương triều họ Phạm chỉ lên cầm quyền được hơn 100 năm và qua 5 đời vua: Phạm Sư Mạn (217-220), Phạm Kim Sinh (bị giết năm 225), Phạm Chiên (225-245), Phạm Trường (bị giết năm 245) và Phạm Tâm (? - ?). Thế rồi, đến khoảng năm 357, do một hoàn cảnh lịch sử nào đó mà chúng ta chưa biết rõ, Phù Nam đã sụp đổ dưới sự thống trị của một người ngoại quốc. Và lần này cũng lại là một người Ấn Độ. Sử liệu Trung Quốc (Lương thư) đã khái quát thời kỳ trị vì của dòng họ Phạm từ đầu đến cuối như sau: “*Bàn Bàn (vua cuối cùng của triều Kaundinya) làm vua được 3 năm thì*

mất. Người trong nước nhất trí cử Phạm Mạn (viên đại tướng của Bàn Bàn) làm vua. Phạm Mạn dũng kiện, lại có mưu lược, nên lại đem quân đi đánh các nước láng giềng. Các nước này đều phục theo. Phạm Mạn tự xưng là Phù Nam đại vương. Rồi cho đóng thuyền lớn, kéo quân đi đánh khắp miền biển lớn. Phạm Mạn đánh và thu được các xứ như Đô Côn, Cửu Trí, Điền Tôn, cả thảy hơn 10 nước. Chiếm đất đến năm sáu nghìn dặm vuông. Về sau, đang đánh nước Kim Lân thì Phạm Mạn mắc bệnh, sai thái tử là Kim Sinh thay nắm quyền trị nước. Đứa con của người chị Phạm Mạn là Chiên, lúc đó đang làm tướng chỉ huy 2.000 quân, nhân đó cướp ngôi, tự lập làm vua. Sau sai người lừa giết Kim Sinh. Khi Phạm Mạn chết, còn có đứa con nhỏ ẵm ngửa tên là Trường trốn trong dân gian. Đến năm 20 tuổi, Trường tụ tập các tráng sĩ trong nước, tập kích giết chết Chiên. Đại tướng của Chiên là Phạm Tâm lại giết đứa con Mạn tên là Trường rồi tự lập làm vua. Phạm Tâm tu sửa pháp độ trong nước, xây dựng những lầu gác để chơi bời... Năm Thái Khang đời Tấn Vũ Đế (280-289), Phạm Tâm mới sai sứ cống hiến.”⁽⁹⁾

Cũng “Lương Thư” cho chúng ta biết đôi chút về đất nước Phù Nam thời kỳ này (thời trị vì của Phạm Tâm): “*Phạm Tâm tu sửa pháp độ trong nước, xây dựng những lầu gác để chơi bời. Mỗi ngày đêm ông ta tiếp khách tới ba, bốn lần... Thời nhà Ngô, có sai viên Trung lang là Khang Thái, cùng viên Tuyên Hóa tòng sự là Chu Ứng sang sứ nước Tâm. Người trong nước này khi đó còn khỏa thân, chỉ có phụ nữ là vấn đầu. Khang Thái, Chu Ứng mới nói rằng: “trong nước này thực là đẹp, nhưng cách ăn vận hở hang như thế thật quá lạ”. Phạm Tâm từ đấy mới ra lệnh cho*

đàn ông trong nước phải lấy vải khổ rộng mà quần, nhà nghèo thì dùng vải thô"⁽⁹⁾.

Cũng chính nhờ những ghi chép của ông Khang Thái này mà chúng ta biết được thêm nhiều điều nữa về đất nước Phù Nam: *"ở đó, có những làng quê và lâu đài có tường bao và có nhà ở. Đàn ông, tất cả đều xấu và đen, tóc xoăn, ở trần, đi chân đất. Tính tình của họ chất phác và họ không bao giờ trộm cắp. Họ chuyên làm nông nghiệp. Họ gieo trồng một năm, thu hoạch trong ba năm. Hơn thế nữa, họ thích chạm đồ trang sức và điêu khắc. Nhiều đồ dùng để ăn làm bằng bạc. Thuế má được nộp bằng vàng, bạc, châu ngọc và hương liệu. Nơi đó có sách vở, những tàng thư và nhiều thứ khác. Chữ viết của họ giống chữ viết của người Hu (Hồ, nghĩa là những người ở vùng Trung Á sử dụng chữ viết có nguồn gốc Ấn Độ)"*⁽¹⁰⁾.

Qua những tư liệu cổ của Trung Quốc, có thể thấy, bắt đầu từ vị vua đầu tiên, vương quốc Phù Nam không chỉ mở rộng lãnh thổ (chiếm tới 10 nước), có quan hệ thường xuyên với Trung Quốc, mà còn đẩy mối bang giao của mình tới tận vùng nhà nước Kushana ở phía tây bắc Ấn Độ. Mối quan hệ trực tiếp với Ấn Độ này, theo P.Pelliot, đã được bắt đầu từ thời Phạm Chiên. Về sự kiện này, P.Pelliot viết: "thời kỳ trị vì của Phạm Chiên thực là quan trọng. Chính kẻ tiếm ngôi này là người đầu tiên đã đặt những quan hệ chính thức và trực tiếp với các hoàng tử Ấn Độ. Một văn bản thế kỷ V kể lại rằng, một người Chia-hsiang-li nào đấy, vốn người gốc xứ Tan-yang, nước này dường như nằm về phía tây Ấn Độ, đã tới Ấn Độ, và rồi từ đấy tới Phù Nam. Chính ông ta đã dạy cho nhà vua Phạm Chiên biết về những điều

khách biết, thế nhưng, hành trình đến nước này thì lâu dài, cả đi lẫn về phải mất tới ba, thậm chí bốn năm. Không biết vua Phạm Chiên có bị xiêu lòng bởi những điều mà Chia-hsiang-li nói hay không? Nhưng, ít nhất, chúng ta cũng biết, qua những nguồn tài liệu chắc chắn, rằng, nhà vua đã cử một trong những người họ hàng của mình có tên là Sou-wou dẫn một sứ bộ tới Ấn Độ. Người này lên tàu ra khơi từ Tou-chu-li, có thể là Takkola, điều này chứng tỏ ảnh hưởng của Phù Nam lúc đó đã lan tỏa tới tận vùng Ấn Độ Dương. Sứ bộ cập bến ở cửa sông Hằng và ngược dòng sông đi đến kinh đô của vị hoàng tử, mà như Sylvain Levi đã xác định, thuộc vương triều Murunda. Nhà vua Ấn Độ cho những người khách nước ngoài đi thăm thú đất nước mình. Sau đấy, vua cho họ về nước cùng tặng phẩm gửi vua Phù Nam là bốn con ngựa thuộc giống Indo-Scythe (Ấn- Nhục Chi), và cử một người Ấn tên là Tchen-sung đi theo. Khi Su-wu trở về đến Phù Nam, tính ra đã bốn năm kể từ lúc ông xuất hành ra đi"⁽¹¹⁾.

4. Triều vua Thiên Trúc Chiên Đàn

Theo các tài liệu Trung Quốc (Lương thư, Tấn thư), vào tháng đầu tiên của năm 357 tức *"năm Thăng Bình đời Mục Đế, vua nước ấy (Phù Nam) là Thiên Trúc Thiên Đàn dâng biểu tiến con voi đã thuần hóa. Hoàng đế xuống chiếu: "Loại này tốn phí nhiều lắm, không nên đưa về."*⁽¹²⁾

Các nhà khoa học đã khẳng định Thiên Trúc Chiên Đàn có nghĩa là người Ấn Độ tên là Chiên Đàn (Chandan). Nhà nghiên cứu S.Levi viết: "Thiên Trúc Chiên Đàn hoặc Trúc Chiên Đàn là một nhân vật vua

hình như đã gắn liền với cùng một nguồn gốc của triều vua Kanishka. Sự liên hệ đó không có gì là bất ngờ. Một thế kỷ trước Trúc Chiên Đàn, vào thời kỳ nhà Ngô (220- 264), giữa những năm 240 và 245, theo những tính toán của ông Pelliot, nhà vua Phù Nam đã cử một người trong hoàng tộc đi sứ sang Ấn Độ gặp vị hoàng tử Meou-louen (Murunda) trị vì vùng sông Hằng, và nhà vua Murunda đã tặng lại nhà vua Phù Nam bốn con ngựa của người You-tche (Nhục Chi). Thế rồi, vào năm 357, toàn bộ miền Bắc Ấn Độ đã quy phục dưới vương triều Gupta. Rất có thể, một chi nhánh của dòng họ Kushana, bị đẩy lùi khỏi những bờ sông Hằng, đã tìm đến tạo dựng cơ nghiệp ở bên kia vịnh Bengale, trên "Mảnh đất Vàng" đó.⁽¹³⁾

Tiếc rằng, cho đến nay, qua những sử liệu ít ỏi được biết, theo các nhà nghiên cứu, triều vua Chiên Đàn người Ấn Độ hay Indo-scythe (Ấn Độ - Nhục-chi) xuất hiện như kiểu một màn chèn vào trong lịch sử Phù Nam. Năm 357 là niên đại duy nhất mà chúng ta được biết về triều vua Chiên Đàn này. Từ thời điểm đó, cho tới cuối thế kỷ IV hay đầu thế kỷ V, không thấy một tài liệu nào nói về Phù Nam.

Tuy chỉ xuất hiện trong một thời gian ngắn, thế nhưng, như các nhà khoa học đã đánh giá, sự có mặt của những người Ấn Độ- Nhục-chi ở Phù Nam và Đông Nam Á đã là khúc dạo đầu cho một làn sóng thư hai đưa các vị Brahman Ấn Độ tới Phù Nam và Đông Nam Á. Và, cũng không phải ngẫu nhiên, mà, trong nghệ thuật của một số quốc gia cổ Đông Nam Á, như Phù Nam, Chămpa, Chân Lạp..., có những ảnh hưởng nhất định của nghệ thuật Kushana. Rồi thì, như các sử liệu đã nói, văn tự của người Hồ (người Ấn- Nhục

Chi) đã được phổ biến ở các quốc gia Đông Nam Á vào những thế kỷ IV-V.

5. Vương triều Kaundinya II

Thật là đặc biệt đối với Phù Nam, vào đầu thế kỷ V hoặc muộn hơn một chút, một lần nữa lại xuất hiện trong triều đình một vị vua là người Brahman Ấn Độ từ nước Bàn Bàn đến. Sử sách Trung Quốc (Lương thư, Q.54) chép: "...*Một trong những người kế vị của nhà vua Trúc Chiên Đàn (Chandana), vua Kiều Trần Như (=Kaundinya) vốn là người Brahman ở Thiên Trúc (Ấn Độ), được lời thần bảo : "nhà người phải đến cai trị Phù Nam". Kiều Trần Như trong lòng rất mừng, bèn đi tới nước Bàn Bàn ở phía nam. Dân chúng Phù Nam nghe được tin rất mừng, cả nước vui vẻ đón rước Kiều Trần Như về làm vua. Kiều Trần Như thay đổi pháp độ trong nước, theo như quy chế của nước Thiên Trúc*"⁽⁹⁾. Không còn nghi ngờ gì, theo các nhà nghiên cứu, Kaundinya ở đây (tức Kiều Trần Như) chính là một vị Brahman thông tuệ đã từng sống tại thuộc quốc Bàn Bàn (Pan-Pan) của Phù Nam và đã có tiếng tăm lừng lẫy tới tận thủ phủ của nước Phù Nam. Chắc chắn là, con đường dẫn vị Brahman này tới ngai vàng đã có cơ sở. Hoặc ông, hoặc là một trong những người kế vị ông đã gắn kết ông với triều đại Kaundinya thứ nhất; bởi vì, chính các vị vua sau này của Chân Lạp và Kambuja cũng như các vua của Phù Nam đều nhận là hậu duệ, thông qua dòng Kaundinya thứ hai này, của vị Brahman Kaundinya và Soma Nagi thuộc vương triều Mặt trăng (tức Hồn Diên và Liễu Diệp). Về sự việc này, bia ký cổ Chămpa thế kỷ VII có những thông tin khá cụ thể. Trong một bia ký cổ Chămpa

(bia ký khắc năm 658 của vua Pkakasadharmā), có đoạn kể về nguồn gốc của nước Chân Lạp: “(Khi đó) Sri Jagaddharma nổi danh về lòng quả cảm đã đến thành phố Bhava (thủ đô của nước Chân Lạp) vì một tình huống nhất định. Chính ở đây, Kaundinya, người nổi danh nhất trong những người Bàlamôn, đã cảm cái giáo mà ông nhận được từ con trai của Drona là Asvatthama, người Bàlamôn xuất sắc. Người con gái của vua rắn có tên là Soma đã tạo lập ra một dòng trên thế giới này. Do đã đạt được, thông qua tình yêu, một yếu tố khác hẳn, nàng đã sống ở nơi cư trú của con người. Vì để hoàn thành một công việc, người Bàlamôn xuất sắc Kaundinya đã cưới nàng làm vợ. Quả thực là không thể hiểu được cách thức mà Thượng đế chu cấp những điều kiện để dẫn đến những sự việc tương lai”⁽¹⁴⁾.

Như vị Brahman tiên bối, Kiều Trần Như không chỉ đã làm vua mà còn để lại Phù Nam cho những hậu duệ của mình. Cũng các tài liệu Trung Quốc cho biết khá chi tiết về các vua kế tiếp sau Kiều Trần Như. Ví dụ, “Lương thư” viết: “Sau khi Kiều Trần Như (Kaundinya) chết, vua tiếp theo tên là Trì Lê Đà Bạt Ma (Sri Indravarman) có dâng biểu cống phương vật vào đời Tống Văn Đế (423- 453). Năm Vĩnh Minh đời Tề (483- 492), vua nước ấy là Đồ Tà Bạt Ma (Jayavarman) cũng có sai sứ cống hiến. Năm Thiên Giám thứ hai (503), Bạt Ma có sai sứ cống tượng Phật bằng san hô và hiến phương vật. Hoàng đế xuống chiếu: “Vua Phù Nam là Kiều Trần Như Đồ Tà Bạt Ma (Jayavarman dòng dõi Kaudinya) ở ngoài biển xa xôi, đã quy phụ ta, không ngại cách trở, ngôn ngữ khác lạ, phải qua nhiều tầng phiên dịch,

đáp trọng hậu, cho y được vinh hiệu là “An Nam tướng quân Phù Nam vương”⁽⁹⁾. Qua những tư liệu trên, có thể thấy, Phù Nam dưới thời trị vì của Jayavarman (Đồ Tà Bạt Ma) đã rất phát triển và hưng thịnh. Jayavarman, “Phù Nam đại vương” mất vào năm 514 và con là Lưu Đà Bạt Ma lên ngôi. Về việc này “Lương Thư” chép: “...Đời Tùy, năm thứ 10, 13 (?), vua Bạt Ma của họ có nhiều lần sai sứ vào tiến cống phương vật. Năm ấy, Bạt Ma chết. Con thứ là Lưu Đà Bạt Ma giết con đích, tự lập làm vua. Năm thứ 16, Lưu Đà Bạt Ma sai sứ là Trúc Đường Bão Lão dâng biểu tiến cống. Năm thứ 18, lại sai sứ dâng cây Thiên trúc chiên đàn, tượng Phật, lá cây bà la, và hiến ngọc “hòa tề châu”, uất kim, tô hợp... Năm Phổ Thông nguyên niên (502), năm Trung Đại Thông thứ hai (530), và năm Đại Đồng nguyên niên (535), họ đều có sai sứ tới cống hiến phương vật. Năm thứ năm (539) lại sai sứ hiến con tê giác sống, và nói rằng nước họ có tóc Phật dài một trượng hai thước. Hoàng đế xuống chiếu sai nhà sư Thích Vân Bảo theo sứ sang rước về”⁽⁹⁾.

Ngoài những tài liệu Trung Quốc, cho đến nay, chúng ta có trong tay hai bia ký của thời kỳ Jayavarman: bia ký của hoàng hậu thứ nhất tên là Kulaprabhavati (tìm thấy ở phía nam tỉnh Takeo, Campuchia) và một bia ký của một trong những người con trai của vua tên là Gunavarman (bia ký khắc trên cột một ngôi đền ở Tháp Mười). Cả hai bia ký đều được viết bằng chữ Sanskrit và đều có niên đại nửa sau thế kỷ V. Trong tám bia đầu, bà hoàng hậu đã thuật lại chi tiết việc thành lập một tu viện. Còn bài bia ký thứ hai được khắc theo lệnh của Gunavarman, con trai

của dòng họ Kaundinya”, lại tưởng niệm tới việc tạo dựng trên “một vùng đất bùn lầy được chinh phục” bởi thủ lĩnh trẻ tuổi Gunavarman, một đền thờ có dấu chân của Vishnu có tên là Chakratirthasvamin. Dựa trên các tư liệu khác nhau, các nhà khoa học giả định rằng, có thể người mẹ của Gunavarman chính là bà hoàng hậu Kulaprabhavati, vợ của nhà vua Jayavarman. Và, theo “Lương Thư”, thì chính người này (Gunavarman) đã bị người con cả Lưu Đà Bạt Ma (Rudravarman), con của một người thiếp, ám sát và chiếm ngôi. Và, như sử sách đã ghi chép, Rudravarman là vị vua cuối cùng của Phù Nam. Vị vua cuối cùng này của Phù Nam đã cử nhiều đoàn sứ bộ khác nhau sang Trung Quốc vào các năm giữa những năm 517 và 539⁽¹⁵⁾. Và, cũng vào thời gian này, một biến chuyển lớn đã xảy ra trong đất nước Phù Nam. Sử sách Trung Quốc (Tân Đường thư) cho biết: “Kinh đô của nhà vua ở thành Đặc Mục. Bỗng nhiên kinh thành đó bị Chân Lạp tiêu hủy, vua phải chuyển dời xuống phía nam, ở thành Na-fou-na (Na Phất na)”. Đến đây, có thể coi là chấm dứt sự tồn tại của vương quốc Phù Nam.

Như vậy là, trong suốt 5 thế kỷ, nhà nước Phù Nam đã là cường quốc thống trị một vùng lớn ở bán đảo Đông Dương. Sau khi sụp đổ, Phù Nam vẫn còn để lại những ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với lịch sử và văn hóa của cả khu vực Đông Nam Á. Và, kết quả là, trong suốt nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất sau công nguyên, duy nhất chỉ có Phù Nam là để lại nhiều di sản lịch sử và văn hóa quan trọng không chỉ cho các quốc gia kế tiếp

sau đó (Chân Lạp, Sailendra, Chăm-pa, Dvaravati...) mà còn cho cả khu vực Đông Nam Á ngày hôm nay (những công trình kiến trúc, những tác phẩm điêu khắc bằng đá, gỗ và kim loại...)/.

CHÚ THÍCH

1. G.Coedes, *The indianized states of Southeast Asia*, East-West center press-Honolulu, 1968, tr.36-37.
2. Dẫn theo: *Văn hóa Oc Eo & vương quốc Phù Nam*, Nxb. Thế giới, 2008, tr. 287-288, 290.; Pelliot, Paul, *Fou-Nan*. B.E.3 (1903), tr. 254, 265.
3. Có thể tham khảo: *Văn hóa Oc Eo & vương quốc Phù Nam*, Sđd.
4. G.Coedes, *Les etats Hindouises d'Indochine and d'Indonesie*, Paris, 1989, tr.65.
5. Dẫn theo: a. Pelliot, Paul, *Quelques textes chinois concernant l'Indochine hindouisee*. Et.zA. 2: 243-263. b. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Văn hóa óc Eo và vương quốc Phù Nam*. Nxb. Thế giới, 2008, tr. 267- 290.
6. Finot, L. *Sur quelques traditions indochnoises*, B.C.A.I. 11 (1911), tr.20.
7. Pelliot. P. *Fou-Nan*. B.E. 3 (1903), tr. 248-303.
8. Pelliot, P. Sđd, tr. 269.; *Văn hóa óc Eo và*, Sđd, tr.275.
9. Dẫn theo: *Văn hóa Oc Eo & vương quốc Phù Nam*, Sđd, tr. 274-275
10. Pelliot. P. *Fu-Nan*, Sđd, tr. 254.
11. Pelliot. P. *Fu-Nan*, Sđd, tr. 292.
12. Pelliot, P. Sđd, tr. 269.; *Văn hóa óc Eo và*, Sđd, tr.275.
13. Pelliot. P. *Fu-Nan*, Sđd, tr. 252...
14. Theo: KarlHeinz Golzio, *Inscriptions of Campa*, Aachen, 2004, tr.19.
15. theo: Coedes, G. *The Indianized states of Southeast Asia*, East - West center press, Honolulu, 1968, tr.60.